

CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 27/KTC-HĐQT

Kiên Giang, ngày 02 tháng 06 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Thông tin tổ chức:

- + Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang
- + Trụ sở chính: 190 Trần Phú, P. Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, T. Kiên Giang
- + Điện thoại: 0297 3 862113 Fax: 0297 3 866080

2. Nội dung công bố:

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 gồm các nội dung chính sau:

- + Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- + Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- + Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, cả nhiệm kỳ 2017-2022 và kế hoạch hoạt động năm 2022;
- + Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;
- + Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
- + Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021;
- + Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;
- + Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022;
- + Tờ trình thông qua thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;
- + Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022;
- + Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;
- + Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;
- + Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Toàn bộ nội dung công bố được đăng tải tại website: www.ktevn.com.vn



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P.TCKT

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)









CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 190 đường Trần Phú, P. Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại: 0297 3862 113 – Fax: 0297 3866 080

Website: www.ktcvn.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 (*Khai mạc lúc 13 giờ 30 phút, ngày 24 tháng 6 năm 2022*)

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
13h00–13h30	<ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp Đại biểu và Cổ đông;- Kiểm tra tư cách Cổ đông, phát Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử và tài liệu Đại hội.	Ban Tổ chức và Ban kiểm tra tư cách Cổ đông
13h30–13h50	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kiểm tra tư cách Cổ đông dự Đại hội;- Tuyên bố lý do;- Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban kiểm phiếu;- Giới thiệu Ban Thư ký Đại hội.	Ban Tổ chức
13h50–14h10	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua Quy chế làm việc Đại hội;- Thông qua Chương trình Đại hội.	Đoàn Chủ tịch
14h10–15h40	<p>Nội dung trình Đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, cả nhiệm kỳ 2017 - 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2022.- Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, cả nhiệm kỳ 2017 - 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021, cả nhiệm kỳ 2017 - 2022.- Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán.- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán.- Tờ trình thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.- Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022.- Tờ trình tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022.- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.- Tờ trình bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027.- Tờ trình bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027.	Đoàn Chủ tịch Ban kiểm phiếu

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang (đính kèm toàn văn dự thảo Điều lệ đã sửa đổi, bổ sung). - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang (đính kèm toàn văn dự thảo Quy chế đã sửa đổi, bổ sung). - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang (đính kèm toàn văn dự thảo Quy chế đã sửa đổi, bổ sung). 	
15h40–16h00	<p>Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Quy chế bầu cử và hướng dẫn bầu cử; - Cổ đông bỏ Phiếu bầu cử. 	Ban kiểm phiếu
16h00–16h30	<p>Đại hội giải lao - kiểm phiếu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban kiểm phiếu làm việc. 	Ban kiểm phiếu
16h30–16h40	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố kết quả kiểm phiếu. 	Ban kiểm phiếu
16h40–17h20	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Biên bản Đại hội; - Thông qua Nghị quyết Đại hội; - Tuyên bố bế mạc Đại hội. 	Đoàn Chủ tịch/ Ban Thư ký

Kiên Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2022

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang,
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Mục đích

1. Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của Cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. **Đối tượng:** Tất cả các Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
2. **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban kiểm soát.
- BTC : Ban tổ chức.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền.

Điều 4. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ¹

¹ Điều 145 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020.

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp².

Điều 5. Đại biểu tham gia ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

1. Các Cổ đông của Công ty theo danh sách chốt vào ngày 27/5/2022 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; Có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền phải được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải nêu rõ số lượng cổ phần được ủy quyền của mỗi người đại diện.

2. Đại biểu khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với BTC; Ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do BTC quy định; Trong thời gian diễn ra ĐHĐCĐ, các Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự trong Đại hội.

3. Các Đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép.

Điều 6. Khách mời tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

1. Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là Cổ đông/không được nhận ủy quyền của Cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

2. Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Đoàn Chủ tọa

1. Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 Thành viên. Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa điều hành công việc của Đại hội theo nội

² Điều 142 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020.

dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến và thông qua trước Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

a) Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;

b) Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

đ) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa:

Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký Đại hội gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký Đại hội:

a) Giúp Đoàn Chủ tọa kiểm tra tư cách Cổ đông và đại diện Cổ đông dự họp (khi cần thiết);

b) Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các Cổ đông khi được yêu cầu;

c) Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu ý kiến của các Cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;

d) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các Cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản Đại hội;

đ) Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 9. Ban kiểm tra tư cách Cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách Cổ đông dự Đại hội gồm 04 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 03 Thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.

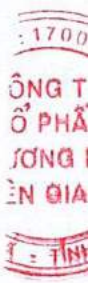
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách Cổ đông:

a) Ban kiểm tra tư cách Cổ đông có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình Cổ đông, đại diện Cổ đông đến dự họp;

b) Trưởng Ban kiểm tra tư cách Cổ đông báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình Cổ đông dự họp và điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ để Đại hội được tiến hành.

Điều 10. Ban kiểm phiếu - quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và 04 Thành viên do Đoàn Chủ tọa Đại hội đề cử và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua trước Đại hội.



2. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

3. Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Cổ đông nếu xảy ra sai phạm.

4. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cách sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết;
- Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của Cổ đông và đại diện Cổ đông;
- Báo cáo kết quả biểu quyết (Biên bản kiểm phiếu) trước Đại hội.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

a) Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình, nội dung ĐHĐCĐ;

b) Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Thư ký Đại hội;

c) Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của Cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển cho Đoàn Chủ tọa;

d) Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

a) Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;

b) Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai;

b) Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho Đại biểu tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu ĐHĐCĐ). Mỗi Đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số Đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của Đại biểu đó;

c) Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 như sau:

- Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Quy chế làm việc của Đại hội; Chương trình Đại hội; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);

- Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

2. Cách thức biểu quyết:

a) Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp Đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của một vấn đề thì được xem như biểu quyết “Tán thành” vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách Cổ đông/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã số Đại biểu và số Phiếu biểu quyết tương ứng của từng Cổ đông “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” và không hợp lệ;

c) Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, Đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, Đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu.

3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

a) Phiếu biểu quyết hợp lệ:

- Là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu Công ty ở góc trái phía bên trên, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của Đại biểu tham dự.

- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (các Tờ trình) là hợp lệ khi Đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

b) Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có đóng dấu của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu biểu quyết.

- Nội dung biểu quyết (các Tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

4. Thẻ lệ biểu quyết và điều kiện để nghị quyết ĐHCĐ được thông qua:

a) Cứ một (01) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi Đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu



quyết và Phiếu biểu quyết.

b) Tại ngày chốt danh sách Cổ đông (ngày 27/5/2022) tổng số cổ phần của Công ty là: 36.473.833 cổ phần, tương đương với 36.473.833 quyền biểu quyết;

c) Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết phải được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp tán thành được quy định cụ thể trong Luật Doanh nghiệp³.

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

a) Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu Phiếu biểu quyết;

b) Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm Phiếu biểu quyết (Biên bản kiểm phiếu) tại ĐHĐCĐ.

Điều 13. Biên bản, Nghị quyết họp ĐHĐCĐ

Biên bản ĐHĐCĐ, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 14. Thi hành Quy chế

Cổ đông/đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Tung

³ Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020.

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, cả nhiệm kỳ
2017-2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2022

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021 VÀ CẢ NHIỆM KỲ 2017-2022

1. Nhân sự Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang (KTC) nhiệm kỳ 2017 – 2022 do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thành lập Công ty bầu gồm 08 thành viên do ông Nguyễn Thanh Tung làm Chủ tịch HĐQT, ông Võ Văn Tân làm Phó Chủ tịch HĐQT và 06 thành viên.

Trong nhiệm kỳ, nhân sự HĐQT có 04 sự thay đổi do chuyển công tác khác và nghỉ hưởng chế độ hưu trí, HĐQT đã kịp thời triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung thành viên HĐQT theo đúng quy định.

Để thực thi các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT đã triển khai các hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Năm 2021, do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, thời gian thực hiện giãn cách xã hội kéo dài nên HĐQT chỉ tổ chức 01 cuộc họp trực tiếp (*đính kèm chi tiết tại Phụ lục số 01*); Tuy nhiên, HĐQT luôn kịp thời cho chủ trương đối với những đề xuất, kiến nghị của Ban điều hành nhằm tháo gỡ khó khăn, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty thông qua 11 lần tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền.

Cuộc họp HĐQT được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ KTC và Quy chế hoạt động của HĐQT; Thư mời họp và các hồ sơ, tài liệu họp được gửi đầy đủ, kịp thời đến các Thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát và Kiểm soát viên dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước; Giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Tổng Giám đốc phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

Cả nhiệm kỳ 2017-2022, HĐQT đã tổ chức tổng số 23 cuộc họp bao gồm họp thường lệ và họp bất thường.

Là doanh nghiệp SXKD trên nhiều lĩnh vực, chịu nhiều tác động bởi đại dịch Covid-19, HĐQT đã kịp thời ban hành các nghị quyết, quyết định để Ban điều hành có những điều chỉnh hợp lý về kế hoạch SXKD, đề ra các giải pháp thích

ứng phù hợp để triển khai thực hiện. Nhằm hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch và mục tiêu phát triển, đặc biệt là để hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD, HĐQT luôn đồng hành, sát cánh cùng Ban điều hành trong mọi hoạt động của doanh nghiệp, kịp thời cho chủ trương chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, tạo các cơ chế linh hoạt, phù hợp, thông thoáng để Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2021 là năm tài chính thứ tư KTC hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần, cũng là năm chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, tuy nhiên KTC đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch được ĐHCĐ thông qua, quản trị tốt chi phí trong điều kiện chi phí phát sinh nhiều từ việc thực hiện phương án sản xuất “3 tại chỗ”, quản lý, sử dụng vốn có hiệu quả, không để xảy ra các rủi ro trong kinh doanh, đảm bảo an toàn tài chính. Hàng năm, KTC thực hiện chia cổ tức cho cổ đông ở mức từ 6% đến 8%. Kết quả SXKD năm 2021 và cả nhiệm kỳ 2017-2022 cụ thể như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021			Nhiệm kỳ 2017-2022
			Kế hoạch	Thực hiện	Mức độ hoàn thành	
1	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	6.278.995	6.252.099	99,6%	28.986.481
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	5.447.431	5.383.888	98,8%	24.934.274
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	23.280	24.806	106,6%	139.225
4	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	85,80	115,11	134,2%	466,50
5	Sản lượng tiêu thụ					
5.1	Xăng dầu các loại	M ³	172.929	171.595	99,2%	931.443
5.2	Gạo các loại	Tấn	215.000	221.165	102,9%	989.255
5.3	Đồ hộp các loại	Container	264	349	132,2%	1.116
6	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng		10.050.924		9.801.394
7	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	6,4	6,8	106,6%	38,17%

3. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Năm 2021, HĐQT đã ban hành 19 Nghị quyết, 16 Quyết định thuộc thẩm quyền, các nghị quyết, quyết định do HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, đồng thuận cao của các thành viên HĐQT trên cơ sở vì lợi ích của doanh nghiệp, của Cổ đông và nhà đầu tư, vì chiến lược phát triển của Công ty; *Cụ thể:*

- Lĩnh vực tổ chức, nhân sự: 5 Nghị quyết, 12 Quyết định.
- Lĩnh vực SXKD: 13 Nghị quyết, 1 Quyết định.
- Lĩnh vực khác: 1 Nghị quyết, 3 Quyết định.

(đính kèm chi tiết tại Phụ lục số 02).

Cả nhiệm kỳ 2017-2022, HĐQT đã ban hành 150 Nghị quyết, 155 Quyết định theo thẩm quyền.

4. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị

Căn cứ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo; Kịp thời cho chủ trương thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho Ban điều hành tổ chức thực hiện.

HQĐT thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT; Giám sát hoạt động của Ban điều hành, kịp thời hỗ trợ Ban điều hành trước những khó khăn, vướng mắc trong điều kiện các hoạt động SXKD chịu nhiều ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19; Đồng hành cùng Ban điều hành để kịp thời đưa ra các quyết sách linh hoạt, phù hợp đảm bảo mục tiêu phát triển an toàn - hiệu quả - bền vững của Công ty, kiểm soát tốt rủi ro trong SXKD; Phát huy trách nhiệm cá nhân của các thành viên HĐQT. Nhờ có sự hỗ trợ và giám sát chặt chẽ nên các vấn đề lớn, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phức tạp thuộc chức trách, thẩm quyền của HĐQT do Tổng Giám đốc đề xuất đều được giải quyết nhanh chóng, hiệu quả.

Ban điều hành đã tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động SXKD theo đúng chủ trương của HĐQT và nghị quyết ĐHCĐ. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Ban điều hành thường xuyên báo cáo, xin ý kiến HĐQT về tình hình SXKD, tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty đúng quy định tại Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty để HĐQT cho chủ trương chỉ đạo kịp thời.

Trên lĩnh vực đầu tư tài chính, HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của Người được cử đại diện phần vốn KTC tại công ty con và các công ty liên danh, liên kết; Kịp thời cho chủ trương để Người đại diện vốn thực hiện tốt trách nhiệm, quyền hạn theo quy định.

Năm 2021 là năm đặc biệt khó khăn trong điều hành SXKD, đặc biệt là ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, thời gian thực hiện giãn cách xã hội kéo dài và khó khăn về vốn; Tuy nhiên, với bản lĩnh, trí tuệ và năng lực quản lý, chuyên môn tốt cùng với sự đoàn kết, nỗ lực và quyết tâm cao, Ban điều hành đã tăng cường kỷ cương, tuân thủ nghiêm túc các chủ trương của HĐQT, chỉ đạo quyết liệt có trọng tâm, linh hoạt để ứng phó với tình hình, điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD do ĐHCĐ, HĐQT giao, mang lại hiệu quả và lợi ích thiết thực cho Công ty, đảm bảo lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư thông qua các chỉ tiêu kinh tế đạt được. HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban điều hành cũng như sự đoàn kết, quyết tâm và tính năng động, sáng tạo của toàn thể người lao động trong quá trình tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2021. HĐQT xin ghi nhận và cảm ơn sự ủng hộ của Quý cổ đông, sự tin tưởng và gắn bó của Quý khách hàng đối với KTC.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

1. Một số chỉ tiêu kinh tế quan trọng

Căn cứ các dự báo về tình hình kinh tế thế giới, trong nước, đồng thời nhận diện các yếu tố thuận lợi, khó khăn sẽ tác động đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp, trong đó có KTC; HĐQT dự kiến và trình ĐHĐCĐ KTC xem xét, thông qua một số chỉ tiêu, kế hoạch SXKD chính năm 2022, cụ thể như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	KH 2022 so với TH 2021
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	6.252.099	7.938.879	127%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	5.383.888	6.955.621	129,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	24.806	41.900	168,9%
4	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	115,11	96,80	84,1%
5	Sản lượng tiêu thụ				
5.1	Xăng dầu các loại	M ³	171.595	217.500	126,8%
5.2	Gạo các loại	Tấn	221.165	212.190	95,9%
5.3	Đồ hộp các loại	Container	349	315	90,3%
5.4	Bất động sản	M ²		33.000	
6	Tiền lương bình quân	Đồng/người /tháng	8.482.098	8.600.000	101,4%

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm

- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, đề xuất trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, trong đó có nội dung quan trọng là bầu cử HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

- Trên cơ sở các chỉ tiêu, kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua, HĐQT sẽ định hướng và cho chủ trương để Ban điều hành xây dựng các kế hoạch và giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch SXKD năm 2022, hạn chế tác động khó khăn bởi dịch bệnh Covid-19, chú trọng công tác kiểm soát rủi ro trong kinh doanh, đảm bảo an toàn tài chính, tối ưu hóa lợi nhuận.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và bất thường để thảo luận và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty. Tiếp tục thực hiện tốt chức năng giám sát việc thực hiện các quy định của Công ty và các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, trên cơ sở đó chỉ đạo kịp thời, có hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Xem xét, rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định về quản trị Công ty đã ban hành cho phù hợp với các Luật và văn bản quy phạm pháp luật mới, phù hợp với tình hình SXKD; Ban hành các quy chế, quy định đảm bảo

cho công tác quản lý doanh nghiệp được chặt chẽ, khoa học, tuân thủ đúng quy định.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, chú trọng công tác quản trị rủi ro pháp lý, rủi ro trong kinh doanh; Quản trị tốt chi phí SXKD, chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và các nguồn lực của Công ty; Ổn định và phát triển mạnh mẽ các nguồn lực, trong đó lấy nguồn lực con người làm trọng tâm, nâng cao tay nghề, năng suất và chất lượng lao động để nâng cao hiệu quả SXKD. Đảm bảo ổn định việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý phù hợp với điều kiện, tình hình SXKD của Công ty; Xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực theo hướng chuyên môn hóa, có chất lượng cao để nâng cao năng suất, chất lượng lao động.

- Tập trung chỉ đạo tiếp tục thực hiện chủ trương tái cấu trúc tài sản, tài chính của Công ty; Thoái vốn đầu tư tại các công ty liên danh, liên kết không hiệu quả, tái cơ cấu tài sản thuộc lĩnh vực chế biến, kinh doanh xuất khẩu gạo khi đủ điều kiện.

Năm 2022, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, dự báo sẽ còn gặp không ít khó khăn, nhất là diễn biến phức tạp, khó dự đoán của dịch bệnh Covid-19, bằng tất cả tinh thần và trách nhiệm trước quý vị Cổ đông - những người chủ thực sự của Công ty. HĐQT, Ban điều hành và toàn thể người lao động KTC sẽ đoàn kết, nỗ lực, quyết tâm thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch SXKD mà ĐHĐCĐ sẽ biểu quyết thông qua.

Thay mặt HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang, Tôi xin chân thành cảm ơn quý vị Cổ đông đã tin tưởng, ủng hộ và gắn bó với Công ty thời gian vừa qua và mong rằng tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ và đồng hành của quý vị Cổ đông trong thời gian tới.

Xin kính chúc Quý vị đại biểu, Quý cổ đông dồi dào sức khỏe; Chúc ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Tung

PHỤ LỤC SỐ 01

các cuộc họp của HĐQT

(kèm theo Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2022)

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Thanh Tung	Chủ tịch	1	100%
2	Ông Nguyễn Văn Cảnh	Phó Chủ tịch	1	100%
3	Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên	1	100%
4	Ông Nguyễn Duy An	Thành viên	1	100%
5	Bà Võ Thị Hương Giang	Thành viên	1	100%
6	Ông Trịnh Quốc Việt	Thành viên	1	100%
7	Ông Võ Thái Sơn	Thành viên	1	100%
8	Ông Phùng Phương Quang	Thành viên	1	100%

PHỤ LỤC SỐ 02**các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đã ban hành**

(kèm theo Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2022)

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-KTC-HĐQT	01/02/2021	Nghị quyết về việc bổ nhiệm bà Lê Thị Thùy giữ chức vụ Kế toán trưởng KTC.
02	02/QĐ-KTC-HĐQT	01/02/2021	Quyết định về việc bổ nhiệm bà Lê Thị Thùy giữ chức vụ Kế toán trưởng KTC.
03	02A/NQ-KTC-HĐQT	18/01/2021	Nghị quyết về việc cử bà Lê Thị Thùy tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Kiên Giang.
04	03A/QĐ-KTC-HĐQT	18/01/2021	Quyết định về việc cử bà Lê Thị Thùy tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Kiên Giang.
05	04/NQ-KTC-HĐQT	04/02/2021	Nghị quyết thông qua chủ trương quyết toán quỹ tiền lương năm 2020 của các Đơn vị trực thuộc KTC.
06	05/NQ-KTC-HĐQT	04/02/2021	Nghị quyết về việc chi thường HĐQT, Ban điều hành KTC năm 2020; chi bổ sung lương tháng 13 năm 2020 cho Người quản lý, Người lao động KTC.
07	06/QĐ-KTC-HĐQT	01/01/2021	Quyết định về việc cử bà Lê Thị Thùy tham gia Ban kiểm soát Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang.
08	06/NQ-KTC-HĐQT	05/02/2021	Nghị quyết tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 KTC
09	07/QĐ-KTC-HĐQT	18/02/2021	Quyết định về việc kiện toàn Tổ rà soát văn bản quản trị nội bộ KTC.
10	08/QĐ-KTC-HĐQT	26/02/2021	Quyết định về việc thành lập Tiểu ban tham mưu, giúp việc ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 KTC.
11	09/NQ-KTC-HĐQT	18/3/2021	Nghị quyết phê duyệt tổng hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng cho năm kế hoạch 2021 (tổng hạn mức dư nợ tín dụng 970 tỷ đồng).
12	14A/NQ-KTC-HĐQT	19/3/2021	Nghị quyết phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang (BIDV Kiên Giang) (480 tỷ đồng).
13	15/NQ-KTC-ĐHĐCĐ	26/3/2021	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 KTC.
14	16/NQ-KTC-HĐQT	30/3/2021	Nghị quyết phê duyệt và giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
15	17/NQ-KTC-HĐQT	17/3/2021	Nghị quyết thông qua chủ trương chấp thuận phương án bồi thường chi phí đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu kinh doanh bán hàng miễn thuế tại Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên.
16	18/QĐ-KTC-HĐQT	16/6/2021	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng Thi đua, Khen thưởng KTC.
17	19/QĐ-KTC-HĐQT	17/6/2021	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở KTC.
18	21/NQ-KTC-HĐQT	30/6/2021	Nghị quyết thông qua chủ trương chấp thuận phương án bồi thường chi phí đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu kinh doanh bán hàng miễn thuế tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Hà Tiên.
19	22/NQ-KTC-HĐQT	10/9/2021	Nghị quyết chi trả cổ tức năm 2020 cho Cổ đông.
20	25/NQ-KTC-HĐQT	30/9/2021	Nghị quyết thông qua chủ trương công tác nhân sự Kho Xăng dầu Thọ Phước thuộc Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu Kiên Giang trực thuộc KTC.
21	26/QĐ-KTC-HĐQT	30/9/2021	Quyết định đình chỉ công tác ông Đặng Trường Hải - Trưởng Kho Xăng dầu Thọ Phước thuộc Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu Kiên Giang trực thuộc KTC.
22	27/QĐ-KTC-HĐQT	30/9/2021	Quyết định giao nhiệm vụ ông Nguyễn Bảo Quốc - Phó phụ trách Kho Xăng dầu Thọ Phước thuộc Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu Kiên Giang trực thuộc KTC.
23	29/NQ-KTC-HĐQT	25/11/2021	Nghị quyết thông qua chủ trương kiện toàn Ban Quản lý Điều hành Dự án 67,5ha Phú Quốc tại phường Dương Đông, TP. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
24	30/NQ-KTC-HĐQT	25/11/2021	Nghị quyết thông qua chủ trương phê duyệt Quy chế làm việc của Ban Quản lý Điều hành Dự án 67,5ha Phú Quốc tại phường Dương Đông, TP. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
25	31/QĐ-KTC-HĐQT	25/11/2021	Quyết định về việc kiện toàn Ban Quản lý Điều hành Dự án 67,5ha Phú Quốc tại phường Dương Đông, TP. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
26	32/QĐ-KTC-HĐQT	25/11/2021	Quyết định ban hành Quy chế làm việc của Ban Quản lý Điều hành Dự án 67,5ha tại phường Dương Đông, TP. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
27	34/NQ-KTC-HĐQT	25/11/2021	Nghị quyết thông qua chủ trương phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 của KTC và 02 Đơn vị trực thuộc KTC (Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu Kiên Giang và Chi nhánh KTC tại TP. Hồ Chí Minh).

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
28	35/QĐ-KTC-HĐQT	25/11/2021	Quyết định phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 của KTC và 02 Đơn vị trực thuộc KTC (Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu Kiên Giang và Chi nhánh KTC tại TP. Hồ Chí Minh).
29	40/NQ-KTC-HĐQT	20/12/2021	Nghị quyết thành lập Hội đồng xử lý kỷ luật lao động.
30	41/QĐ-KTC-HĐQT	20/12/2021	Quyết định thành lập Hội đồng xử lý kỷ luật lao động.
31	42/NQ-KTC-HĐQT	20/12/2021	Nghị quyết thống nhất chủ trương trả lại 02 thửa đất không có nhu cầu sử dụng cho Nhà nước quản lý.
32	43/NQ-KTC-HĐQT	20/12/2021	Nghị quyết thống nhất chủ trương chuyển nhượng 04 căn nhà mẫu tại Dự án Khu đô thị mới 67,5ha Phú Quốc.
33	44/QĐ-KTC-HĐQT	28/12/2021	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng Thi đua, Khen thưởng KTC.
34	45/QĐ-KTC-HĐQT	28/12/2021	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở KTC.
35	46/QĐKL-KTC- HĐQT	30/12/2021	Quyết định xử lý kỷ luật lao động sa thải ông Đặng Trường Hải (nguyên Trưởng Kho Xăng dầu Thọ Phước thuộc Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu Kiên Giang).

BÁO CÁO

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022**

Phần I

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

1. Đặc điểm tình hình

Năm 2021 là năm đặc biệt khó khăn đối với doanh nghiệp nói chung, Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang (gọi tắt là “KTC”) nói riêng do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh với biến chủng mới, tốc độ lây lan nhanh, nguy hiểm; tình hình dịch bệnh diễn biến hết sức phức tạp từ cuối tháng 4 tại nhiều địa phương, vùng kinh tế trọng điểm cả nước, đặc biệt là tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, buộc phải áp dụng các Chỉ thị 15, 16 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện giãn cách xã hội để phòng, chống dịch... đã tác động nặng nề đến kinh tế-xã hội và đời sống người dân, tác động xấu đến hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất kinh doanh (SXKD), làm mất ổn định cung-cầu, đứt gãy chuỗi cung ứng và dịch vụ logistics, giá cả thị trường leo thang. Những tháng cuối năm, khi triển khai thực hiện Nghị quyết 128/NQ-CP, ngày 11/10/2021 của Chính phủ về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, nhiều tỉnh thành, địa phương đã ghi nhận nhiều ca mắc mới trong cộng đồng, trong các khu công nghiệp, nhà máy, phân xưởng... tiếp tục gây khó khăn cho hoạt động SXKD của cộng đồng doanh nghiệp.

Trong bối cảnh năm 2021 cả nước có hơn 106 ngàn doanh nghiệp phải ngừng hoạt động hoặc giải thể, bình quân mỗi tháng có gần 9.700 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, KTC vẫn duy trì hoạt động ổn định các lĩnh vực SXKD bằng việc áp dụng phương án sản xuất “3 tại chỗ”, “1 cung đường 2 điểm đến”, chấp nhận phát sinh chi phí để giữ ổn định khách hàng, qua đó nâng cao uy tín, giá trị thương hiệu KTC.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

Nhìn chung, hoạt động SXKD năm 2021 của KTC gặp rất nhiều khó khăn, thách thức cả trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và việc đảm bảo việc làm, thu nhập cho gần 600 người lao động. Tuy nhiên, với sự đoàn kết, năng động, sáng tạo, nhạy bén và quyết tâm cao của Ban điều hành đã kịp thời chỉ đạo



triển khai các giải pháp thích ứng phù hợp, thay đổi chính sách kinh doanh, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách vì mục tiêu phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch SXKD đề ra, kết quả SXKD đạt được như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021			Lũy kế từ 01/8/2017 đến 31/12/2021
			Thực hiện	% so kế hoạch	% so cùng kỳ	
1	Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đồng	6.252.099	99,6%	99,7%	28.986.481
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	5.383.888	98,8%	100,0%	24.934.274
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	24.806	106,6%	66,2%	139.225
4	Sản lượng tiêu thụ					
4.1	Xăng dầu các loại	M ³	171.595	99,2%	81,1%	931.443
4.2	Gạo các loại	Tấn	221.165	102,9%	91,7%	989.255
4.3	Đồ hộp các loại	Cont	349	132,2%	115,2%	1.116
5	Kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD	115,11	134,2%	97,8%	466,50
6	Thu nhập bình quân NLD/người/tháng	Đồng	10.050.924		90,5%	9.801.394
7	Tỷ suất lợi nhuận (LNTT/Vốn ĐL)	%	6,8	106,6%	66,2%	38,17

Kết quả trên cho thấy, về tổng quan các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều đạt và vượt so kế hoạch, một số chỉ tiêu có tăng trưởng so cùng kỳ, một số chỉ tiêu giảm do điều kiện, môi trường kinh doanh bất ổn định, chịu tác động nặng nề bởi đại dịch Covid-19.

- *Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu:* Là lĩnh vực chịu tác động nặng nề nhất bởi dịch bệnh Covid-19, thời gian giãn cách xã hội kéo dài; khủng hoảng nguồn cung dẫn đến tình trạng khan hiếm hàng, nhu cầu giảm gây áp lực giảm cầu mạnh, đột ngột làm ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động kinh doanh xăng dầu của KTC, nhất là giai đoạn cao điểm của dịch bệnh. Tuy nhiên, với sự nỗ lực, quyết tâm cao của Ban điều hành KTC cùng với việc dự báo đúng tình hình, đã kịp thời triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt, thích ứng nhanh với tình hình, nắm bắt và khai thác tốt cơ hội kinh doanh. Kết quả năm 2021, Doanh thu đạt 102,6% kế hoạch, tăng 2,4% so cùng kỳ; Sản lượng tiêu thụ đạt 99,2%, giảm 18,9% so cùng kỳ; Lợi nhuận đạt 126,1% kế hoạch, tăng 36% so cùng kỳ.

- *Lĩnh vực kinh doanh thương mại – xuất khẩu gạo và thủy sản đóng hộp:* Hoạt động trong điều kiện chịu tác động trực tiếp từ dịch bệnh, giãn cách xã hội, khủng hoảng thừa nguồn cung, tình trạng biến đổi khí hậu làm ảnh hưởng đến mùa vụ và chất lượng lúa gạo, việc khan hiếm container rỗng và phương tiện vận chuyển đẩy giá cước vận chuyển tăng cao, chi phí làm hàng tăng từ 3 đến 5

lần; nhiều quốc gia nhập khẩu tăng cường kiểm tra các chỉ tiêu an toàn dịch bệnh đối với hàng hóa nhập khẩu cũng như quy trình sản xuất, nguồn gốc xuất xứ hàng hóa và sự thay đổi khó lường về chính sách nhập khẩu từ các nước nhập khẩu lớn trên thế giới như Hoa Kỳ, Philippines, Trung Quốc, Châu Âu, nhất là chính sách Zero Covid của Trung Quốc đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh xuất khẩu của KTC.

Trước những khó khăn, thách thức đặt ra, Ban điều hành KTC đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, thay đổi chính sách kinh doanh, nắm bắt và khai thác tốt cơ hội, chuẩn bị tốt nguồn hàng để đẩy mạnh xuất khẩu khi thị trường có nhu cầu và điều kiện lưu thông cho phép. Năm 2021, hai lĩnh vực kinh doanh thương mại – xuất khẩu gạo và thủy sản đóng hộp có bước tăng trưởng khá, tỷ trọng sản phẩm tiêu thụ tại các thị trường không ngừng gia tăng, góp phần quan trọng hoàn thành mục tiêu kế hoạch 2021 của KTC. Sản lượng tiêu thụ gạo các loại đạt 100,2% kế hoạch; thủy sản đóng hộp các loại đạt 132,2% kế hoạch, tăng 15,2% so cùng kỳ.

- *Lĩnh vực kinh doanh nội địa:* Từng bước đi vào ổn định và hoạt động có hiệu quả. Mặc dù năm 2021 cũng gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, thời gian thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, nhưng kết quả kinh doanh đạt được rất khả quan. Doanh thu đạt 128,8% kế hoạch; Sản lượng tiêu thụ gạo các loại đạt 130,5% kế hoạch, đồ hộp các loại đạt 116,7% kế hoạch; Lợi nhuận đạt 527,3% kế hoạch.

- *Lĩnh vực kinh doanh bất động sản tại dự án 67,5ha Phú Quốc:* Trong năm chưa triển khai được do còn một số vướng mắc đối với 71.875,47 m² đất đã hoàn thành đầu tư hạ tầng, đang trong giai đoạn chỉnh lý biến động sang tên Công ty cổ phần trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để hoàn thành thủ tục pháp lý đủ điều kiện chuyển nhượng thu hồi vốn.

3. Một số công tác trọng tâm khác

3.1 Công tác tổ chức nhân sự và các chế độ, chính sách

Công tác tổ chức nhân sự năm qua gặp nhiều khó khăn và áp lực lớn do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19, giãn cách xã hội, áp dụng sản xuất 3 tại chỗ ở tất cả đơn vị sản xuất và hình thức 1 cung đường 2 điểm đến cho lực lượng gián tiếp và bán hàng theo quy định phòng chống dịch địa phương và tuân thủ các qui định giãn cách. Tuy nhiên, với quyết tâm cao trong việc duy trì hoạt động SXKD liên tục, không gián đoạn. KTC sắp xếp, bố trí nhân sự hợp lý cho từng Phòng ban/bộ phận, đơn vị sản xuất, đảm bảo đủ nhân lực để hoạt động, tạo việc làm cho gần 600 người lao động. Mặc dù năng suất hoạt động có giảm so với điều kiện hoạt động bình thường, nhưng nhìn chung đáp ứng được mục tiêu và kế hoạch SXKD đã đề ra.

Trong điều kiện chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 và khó

17005
NG TY
PHÂN
CÔNG N
N GIÁI
TINH

khăn về nguồn vốn nhưng việc làm, thu nhập và các chế độ, chính sách đối với người lao động luôn được đảm bảo, chi trả tiền lương kịp thời, ổn định, mức thu nhập bình quân của người lao động năm 2021 là 10,05 triệu đồng/người/tháng. Mặt khác, KTC tuân thủ và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động gồm BHXH, BHYT, BHTN và các loại hình bảo hiểm tự nguyện khác; trang cấp bảo hộ lao động, đồng phục kịp thời, đúng quy định. Bên cạnh đó, công tác thi đua-khen thưởng được Ban điều hành quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, có nề nếp góp phần nâng cao năng suất, chất lượng lao động, khích lệ tinh thần làm việc, phát huy vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân, tập thể vì sự phát triển chung của KTC, qua đó giúp nâng cao đời sống, thu nhập của người lao động, giúp người lao động ổn định tư tưởng, an tâm công tác, gắn bó lâu dài với KTC. Năm 2021, đã xét và quyết định công nhận 403 cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, 65 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, 08 tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, tặng Giấy khen cho 280 cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; đồng thời, đề nghị UBND tỉnh Kiên Giang tặng danh hiệu Lao động xuất sắc cho 05 tập thể, tặng Bằng khen cho 02 tập thể và 17 cá nhân có thành tích xuất sắc 02 năm liền (năm 2020, 2021), đề nghị công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh cho 05 cá nhân.

3.2 Công tác phòng, chống dịch Covid-19

Chấp hành các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, khuyến cáo của Bộ Y tế và các cơ quan chuyên môn, chỉ đạo của UBND tỉnh Kiên Giang về tăng cường các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh Covid-19, KTC đã ban hành các Quyết định, Kế hoạch, Phương án, Quy định, Kịch bản về phòng, chống dịch, đồng thời triển khai đến các Phòng nghiệp vụ, các Đơn vị/Chi nhánh trực thuộc và tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác phòng, chống dịch bệnh theo quy định, duy trì ổn định SXKD, theo dõi sát diễn biến dịch bệnh để có giải pháp phù hợp đảm bảo an toàn sức khỏe người lao động, đảm bảo an toàn sản xuất. Mặt khác, Ban điều hành KTC đã tranh thủ để sớm tiêm vắc-xin ngừa Covid-19 cho người lao động toàn hệ thống, đến nay 100% người lao động tại KTC đã tiêm đủ 02 liều vắc-xin ngừa Covid-19, đồng thời đã tiêm mũi tăng cường (mũi 3).

3.3 Công tác an ninh trật tự, quản lý chất lượng

Công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tài sản, hàng hóa, phòng chống thiên tai, cháy nổ, bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động và công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ luôn được quan tâm. Thường xuyên nhắc nhở Khối văn phòng, các Đơn vị/Chi nhánh trực thuộc kiểm tra phương tiện, công cụ, dụng cụ PCCC, định kỳ có tổ chức diễn tập các phương án xử lý tại chỗ tại các cửa hàng, kho hàng, nhất là các Kho xăng dầu nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối về người và tài sản, chủ động xử lý khi có tình huống xảy ra. Đầu năm, KTC đã triển khai Quyết định kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động, PCCC toàn hệ thống giúp nâng cao vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của các Phòng nghiệp vụ/Đơn

vị/Chi nhánh trực thuộc và Người lao động trong thực hiện các quy định về an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, thực hiện nghiêm túc Luật Phòng cháy chữa cháy và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, ổn định chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO, HACCP, IFS, FDA..., áp dụng bộ tiêu chuẩn ISO-5S tại các Cửa hàng bán lẻ xăng dầu, thường xuyên cập nhật, cải tiến cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của đơn vị.



Phần II

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

1. Nhận định tình hình

Năm 2022, dự báo tình hình thế giới, trong nước tiếp tục có những cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Đại dịch Covid-19 trên thế giới vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ phức tạp, diễn biến khó lường, đặc biệt là các biến chủng mới; chiến tranh thương mại, mâu thuẫn giữa các nước lớn còn phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ gây bất ổn định chính trị – xã hội, nhất là cuộc xung đột vũ trang Nga – Ukraine làm thay đổi trật tự thế giới, đẩy giá vật tư, nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ logistics tăng mạnh ảnh hưởng tăng trưởng kinh tế toàn cầu, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Ở trong nước, dịch bệnh Covid-19 tuy đã được kiểm soát nhưng vẫn còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ làm ảnh hưởng chi phí lưu thông, vận chuyển, dịch vụ logistics... tác động lên giá hàng hóa, dịch vụ; rủi ro lạm phát gia tăng; thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến bất thường ảnh hưởng đến vụ mùa, sản lượng và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, giá vật tư sản xuất nông nghiệp tăng cao làm tăng giá cục bộ một số hàng hóa, nguyên vật liệu. Mặt khác, sức mua trên thị trường còn yếu do thu nhập của người dân bị giảm sút vì sự đình trệ sản xuất buộc phải thắt chặt tiêu dùng.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2022

Trên cơ sở phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế trong năm qua, đồng thời dự báo các yếu tố thuận lợi, khó khăn sẽ tác động đến hoạt động SXKD của KTC, Ban điều hành tham mưu Hội đồng quản trị xem xét trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch SXKD năm 2022 như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch năm 2022	KH2022 so TH2021
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	Triệu đồng	6.252.099	7.938.879	127,0%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	5.383.888	6.955.621	129,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	24.806	41.900	168,9%

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch năm 2022	KH2022 so TH2021
4	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	115,11	96,80	84,1%
5	Sản lượng tiêu thụ				
5.1	Xăng dầu các loại	M ³	171.595	217.500	126,8%
5.2	Gạo các loại	Tấn	221.165	212.190	95,9%
5.3	Đồ hộp các loại	Container	349	315	90,3%
5.4	Bất động sản	M ²		33.000	
6	Tiền lương bình quân người lao động	Đồng/người /tháng	8.482.098	8.600.000	101,4%

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Ban điều hành Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Hoàng

Số: 17/BC-BKS

Kiên giang, ngày 20 tháng 5 năm 2022

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
VÀ NHIỆM KỲ 2017-2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang (Công ty KTC);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang ngày 26 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty KTC;

Ban kiểm soát nhất trí thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và nhiệm kỳ 2017-2022 trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) với các nội dung như sau:

A. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

1. Về nhân sự:

Nhân sự Ban kiểm soát có 5 thành viên, gồm:

- | | |
|------------------------------|----------------------|
| (1) Bà Nguyễn Thị Bạch Dương | Trưởng Ban kiểm soát |
| (2) Bà Lý Thu Diễm | Kiểm soát viên |
| (3) Bà Hoàng Thị Xuân Hương | Kiểm soát viên |
| (4) Ông Trần Hữu Nghị | Kiểm soát viên |
| (5) Ông Võ Chí Công | Kiểm soát viên |

2. Về hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid 19, thực hiện giãn cách xã hội việc di chuyển bị hạn chế Ban kiểm soát không tổ chức họp và làm việc trực tiếp tại Công ty được nhưng vẫn thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu, số liệu ...trong Ban kiểm soát để phục vụ công tác giám sát hoạt động của Công ty. Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm như sau:

- Thông qua Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Thông qua tờ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 V/v Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để kiểm toán các BCTC năm 2021;

- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của Công ty giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021;
- Soát xét kết quả kinh doanh quý 3/2021;
- Thẩm định BCTC; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021;
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ.

II. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

- Trong năm 2021, Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính để hoàn thành nhiệm vụ.

- Ban kiểm soát được tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT.

- Định kỳ, BKS đều có những báo cáo và kiến nghị bằng văn bản gửi tới HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Những kiến nghị của BKS đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

- Trong năm 2021, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào để cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và thẩm định BCTC của Công ty.

1. Về hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

Hoạt động của HĐQT tập trung vào mục tiêu thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đã tạo mọi điều kiện để Công ty hoàn thành các mục tiêu của Đại hội cổ đông.

Năm 2021, do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, thời gian thực hiện giãn cách xã hội kéo dài nên HĐQT chỉ tổ chức 01 cuộc họp trực tiếp và 11 lần tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản kịp thời cho chủ trương đối với những đề xuất, kiến nghị của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT đã ban hành 19 Nghị quyết, 16 Quyết định liên quan đến lĩnh vực tổ chức, nhân sự, sản xuất kinh doanh và lĩnh vực khác... của Công ty thuộc thẩm quyền. Các nghị quyết, quyết định do HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, đồng thuận cao của các thành viên HĐQT trên cơ sở vì lợi ích của doanh nghiệp, của Cổ đông và nhà đầu tư, vì chiến lược phát triển của Công ty.

Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Kịp thời báo cáo, đề xuất và xin ý kiến HĐQT các trường hợp phát sinh vượt thẩm quyền. Chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh với quyết tâm thực hiện

hoàn thành đạt và vượt kế hoạch kinh doanh ĐHCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

2. Về thẩm định BCTC và kết quả kinh doanh.

- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết, nằm trong danh sách đơn vị được ĐHCĐ phê duyệt

- Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2021 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty là các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Vấn đề cần nhấn mạnh của báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính năm 2021 như sau: “Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 59.882.961.483 VND do Công ty vay ngắn hạn để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như việc tái cấu trúc lại nguồn vốn của Công ty. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty hoạt động không có lãi trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới”.

2.1 Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Thực hiện 2020	TH 2021 so KH 2021	TH 2021 so TH 2020
1. Doanh thu BH và CCDV	6.279,00	5.392,32	5.383,56	85,88%	100,16%
2. Doanh thu thuần về BH và CCDV	5.447,43	5.383,89	5.383,40	98,83%	100,01%
3. Giá vốn hàng bán	5.182,78	5.140,09	5.148,70	99,18%	99,83%
4. Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	264,65	243,79	234,70	92,12%	103,87%
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23,42	25,21	37,62	107,62%	67,02%
6. Lợi nhuận khác	(0,14)	(0,40)	(0,13)	283,13%	309,00%
7. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23,28	24,81	37,49	106,55%	66,17%
8. Lợi nhuận sau thuế TNDN	18,63	21,16	36,60	113,61%	57,81%

Năm 2021 Công ty đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đã được ĐHCĐ thường niên năm 2021 thông qua, cụ thể:

- Doanh thu bán hàng đạt 5.392,32 tỷ đồng, đạt 85,88% so với kế hoạch và tăng 0,16% cùng kỳ.

- Lợi nhuận đến ngày 31/12/2021 là 24,81 tỷ đồng đạt 106,55% so với kế hoạch năm.

2.2 Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Hợp nhất
I. Tổng Tài Sản	Tỷ đồng	1.269,42	1.321,93
1. Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	803,36	825,63
2. Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	466,06	496,30
II. Tổng Nguồn Vốn	Tỷ đồng	1.269,42	1.321,93
1. Nợ phải trả	Tỷ đồng	866,84	916,92
2. Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	402,58	405,01
III. Cơ Cấu Nguồn Vốn			
1. Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	68,29%	69,36%
2. Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	31,71%	30,64%
IV. Khả Năng Thanh Toán			
1. Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,93	0,90
2. Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,32	0,32
V. Khả Năng Sinh Lợi			
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,26	5,12
Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài Sản	%	1,67	1,57

2.3 Hoạt động đầu tư tài chính

Kết quả kiểm tra, đánh giá tình hình đầu tư tài chính của Công ty KTC như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Lợi nhuận thực hiện (tỷ đồng)	Dự phòng đã trích lập
A	Công ty con	46,04			27,63
1	Công ty cổ phần TM-DV Kiên Giang	46,04	98,03	(2,92)	27,63
B	Công ty liên kết	76,88			
1	Công ty CP Thực Phẩm đóng hộp KGiang	19,57	38,08	10,73	
2	Cty CP sách thiết bị trường học KGiang	3,75	20,00	2,19	
3	Cty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	53,56	49,00	18,17	
C	Đầu tư tài chính dài hạn khác	11,67			3,74
1	Công ty CP Sài Gòn Phú Quốc	7,56	11,62		

2	Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 1	0,34	12,00		
3	Công ty CP Sabeco	0,03			
4	Công ty CP Du Lịch Kiên Giang	0,50			0,50
5	Cty CP CBTS Xuất khẩu Ngô Quyền	3,24	15,00	8	3,24
Tổng cộng		134,59			31,38

Hoạt động đầu tư tài chính vào các công ty liên doanh, liên kết mang lại hiệu quả như sau:

Vốn đầu tư tài chính vào đơn vị khác tại thời điểm 31/12/2021 là 134,59 tỷ đồng, chiếm 36,90% vốn đầu tư chủ sở hữu. Trong đó, đầu tư tại Công ty con (Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ) 46,04 tỷ đồng; các Công ty liên doanh, liên kết 76,88 tỷ đồng; đầu tư dài hạn khác 11,67 tỷ đồng.

Cổ tức, lợi nhuận được chia từ năm 2017-2022 KTC nhận được đối với các khoản đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết là 29,94 tỷ đồng nhưng phải trích dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư tài chính này số tiền 31,38 tỷ đồng.

Trong tình hình thiếu hụt nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và so sánh với lãi suất trên thị trường hiện tại thì hoạt động đầu tư tài chính những năm gần đây mang lại hiệu quả chưa cao, doanh thu từ cổ tức không bù đắp hết chi phí đã trích lập dự phòng. HĐQT và Ban điều hành đã có các giải pháp khắc phục như thực hiện tái cơ cấu toàn bộ tại Công ty con, thoái vốn tại các đơn vị hoạt động không hiệu quả.

Từ năm 2017- 2020 Công ty đã thực hiện thoái vốn tại các đơn vị sau:

- Năm 2017 thực hiện thoái vốn tại Công ty CP Vận tải thủy bộ Kiên Giang với giá trị đầu tư 11,37 tỷ đồng;

- Năm 2018 Công ty thực hiện bán Cổ phiếu Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam với giá trị đầu tư 55,88 tỷ đồng trên sàn giao dịch chứng khoán;

- Năm 2020 Công ty thực hiện thoái vốn 20% tỷ lệ cổ phần sở hữu tại Công ty CP Chế Biến Thủy Sản Xuất khẩu Ngô Quyền với giá trị đầu tư thu về 4,9 tỷ đồng.

B. Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

1. Về nhân sự:

Nhân sự Ban kiểm soát theo phê duyệt của ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2017-2022 có 5 thành viên, trong nhiệm kỳ có thay đổi 1 trưởng ban, 1 thành viên và bổ sung 1 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm, gồm:

- | | |
|------------------------------|----------------------|
| (1) Bà Nguyễn Thị Bạch Dương | Trưởng Ban kiểm soát |
| (2) Bà Lý Thu Diễm | Kiểm soát viên |
| (3) Bà Hoàng Thị Xuân Hương | Kiểm soát viên |

(4) Ông Trần Hữu Nghị Kiểm soát viên

(5) Ông Võ Chí Công Kiểm soát viên

2. Hoạt động của ban kiểm soát

Trong nhiệm kỳ, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và báo cáo các cổ đông kết quả hoạt động tại ĐHĐCĐ thường niên hàng năm theo các nội dung:

- Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, tình hình hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc;

- Thực hiện giám sát công tác tài chính kế toán, công tác thẩm định báo cáo tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh.

Ban Kiểm soát đã luôn có sự phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty.

Những tồn tại, hạn chế:

+ Phần lớn kiểm soát viên còn kiêm nhiệm công việc khác nên công tác nắm bắt thông tin phục vụ cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát đôi khi chậm trễ chưa kịp thời, đầy đủ.

+ Công tác kiểm tra giám sát vẫn chủ yếu tập trung về hoạt động kinh doanh, khía cạnh tài chính, đầu tư, mà chưa đi sâu tới khía cạnh khác như nhân sự, tổ chức bộ máy...

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

1. Kết quả giám sát hoạt động HĐQT

Trong nhiệm kỳ Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, bất thường và thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên Hội đồng quản trị để kịp thời ra các quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty. Trong các cuộc họp HĐQT, các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ và quy chế hoạt động.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, phù hợp thực tiễn, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty.

HĐQT đã thực hiện chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Kết quả giám sát hoạt động Ban Tổng giám đốc

- Về thực hiện nhiệm vụ kinh doanh:

Ban Tổng giám đốc đã triển khai kịp thời các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị. Chủ động lập kế hoạch điều hành hoạt động kinh doanh kết quả như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 5 tháng năm 2017	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021
1. Doanh thu BH và CCDV	2.018,87	5.929,88	6.237,41	5.383,56	5.392,32
2. Doanh thu thuần về BH và CCDV	2.018,87	5.927,11	6.236,58	5.383,40	5.383,89
3. Giá vốn hàng bán	1.953,47	5.719,76	6.019,41	5.148,70	5.140,09
4. Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	65,40	0,00	217,17	234,70	243,79
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7,77	34,07	31,72	37,62	25,21
6. Lợi nhuận khác	0,33	0,30	0,64	(0,13)	(0,40)
7. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8,09	0,00	32,36	37,49	24,81
8. Lợi nhuận sau thuế TNDN	8,09	34,37	32,36	36,60	21,16

Kết quả kinh doanh hằng năm của Công ty trong cả nhiệm kỳ đều đã hoàn thành theo kế hoạch kinh doanh đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông và thực hiện chi trả cổ tức từ 6% đến 8%.

-Về việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh :

Các báo cáo tài chính được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam. Thực hiện đầy đủ các báo cáo tài chính định kỳ theo đúng thời gian quy định. Các báo cáo tài chính cũng được công bố tới các cổ đông kịp thời theo đúng quy định hiện hành. Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính các năm của nhiệm kỳ được thực hiện soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập đạt tiêu chuẩn do Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

C. Một số Kiến nghị và Kế hoạch công tác năm 2022:

1. Đề xuất, kiến nghị:

Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế song HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã rất nỗ lực trong việc triển khai thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 mà ĐHĐCĐ thông qua. Bên cạnh các kết quả đã nêu trong Biên bản này, Ban Kiểm soát xin có một số kiến nghị đến HĐQT và Công ty như sau:

- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc lại hoạt động của Công ty con và các đơn vị kinh doanh không đạt hiệu quả cũng như thoái vốn tại các đơn vị đầu tư tài chính không mang lại hiệu quả cao.

- Tiếp tục triển khai công tác rà soát hoàn thiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ của Công ty cho phù hợp với các quy định hiện hành đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản lý, thu hồi công nợ; quản trị tốt chi phí để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh.

2. Kế hoạch công tác năm 2022:

Căn cứ nhiệm vụ của BKS đã được quy định tại Điều lệ Công ty; Quy chế hoạt động của BKS. BKS dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

- Giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Công ty;

- Giám sát việc giao và tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD tại Công ty;

- Thẩm định các BCTC và lập văn bản gửi HĐQT;

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các BCTC của Công ty;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động SXKD;

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ.

Trên đây là nội dung Báo cáo hoạt động của BKS năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022, BKS kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- Ban TGĐ Công ty;
- Các phòng/ban/ đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, BKS.



TM.BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Thị Bạch Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /TTr-KTC-HĐQT

Kiên Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH

về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 22 Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Tung

Ghi chú: Báo cáo tài chính năm 2021 kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được đăng trên website của Công ty theo đường dẫn: <https://www.ktcvn.com.vn/vn/bao-cao-tai-chinh.html>

Số: 19 /TTr-KTC-HĐQT

Kiên Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH

về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 22 Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, dự báo tình hình thị trường và các yếu tố tác động môi trường kinh doanh năm 2022; Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022
1	Tổng doanh thu BH và CCDV	Triệu đồng	7.938.879
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	6.955.621
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	41.900
4	Sản lượng tiêu thụ:		
4.1	Xăng dầu các loại	M ³	217.500
4.2	Gạo các loại	Tấn	212.190
4.3	Đồ hộp các loại	Container	315
4.4	Bất động sản	M ²	33.000
5	Kế hoạch chia cổ tức	%	từ 6% đến 8%

* **Ghi chú:** Trường hợp do nguyên nhân khách quan không thể triển khai kinh doanh bất động sản được thì chỉ tiêu kinh doanh bất động sản sẽ được loại trừ tương ứng. *lux* ✓

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Tung

Số: 20/TTr-KTC-HĐQT

Kiên Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch
phân phối lợi nhuận năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-KTC-ĐHĐCĐ, ngày 26/3/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;

Căn cứ Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 là	: 21.161.127.644 đồng
- Lợi nhuận năm trước chưa phân phối là	: 5.521.899.281 đồng
- Tổng lợi nhuận được phép phân phối là	: 26.683.026.925 đồng
- Dự kiến phân phối	: 25.319.912.028 đồng

Trong đó:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển (10 % LNST)	: 2.116.112.764 đồng
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LNST)	: 2.116.112.764 đồng
+ Trích thưởng toàn thể CB-CNV, Người lao động trong Công ty 01 tháng lương Phụ lục II (lương tháng 13) tương ứng với số tiền	: 2.450.770.000 đồng
+ Trích thưởng Người quản lý, điều hành	: 400.000.000 đồng
+ Dự kiến chia cổ tức 5% vốn điều lệ	: 18.236.916.500 đồng
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	: 1.363.114.897 đồng

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối được bổ sung hết vào quỹ đầu tư phát triển.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Tổng Giám đốc cân đối nguồn lực tài chính để chi cổ tức năm 2021 cho Cổ đông theo quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:

Theo kế hoạch kinh doanh của năm 2022, Hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2022 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2022 là: 33.520.000.000 đồng, dự kiến kế hoạch sử dụng:

- + Trích quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế;
- + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế;
- + Dự kiến cổ tức chi trả cho Cổ đông: từ 6% đến 8% vốn điều lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Tung

TỜ TRÌNH

về việc thông qua thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-KTC-ĐHĐCĐ, ngày 26/3/2021 về việc thông qua thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Tiền thù lao năm 2021:

- Phó Chủ tịch HĐQT: 7.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 1 người = 84.000.000 đồng;

- Thành viên HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 6 người = 360.000.000 đồng;

- Thành viên BKS: 3.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 4 người = 144.000.000 đồng.

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2021: 588.000.000 đồng.

2. Tiền thù lao kế hoạch năm 2022:

- Phó Chủ tịch HĐQT: 7.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 1 người = 84.000.000 đồng;

- Thành viên HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 6 người = 360.000.000 đồng;

- Thành viên BKS: 3.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 4 người = 144.000.000 đồng.

Tổng số tiền thù lao dự kiến chi kế hoạch năm 2022: 588.000.000 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Tung

Số: 22 /TTr-KTC-BKS

Kiên Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH

về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 đạt hiệu quả cao nhất, Ban kiểm soát sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các công ty đại chúng đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Upcom) do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022 là một trong bốn đơn vị sau đây:

1. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235, đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
2. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, Tòa nhà Indochina Park Tower, số 04, đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
3. Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, số 386/51, đường Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
4. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam, địa chỉ tầng 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, số 140 đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Các công ty kiểm toán nêu trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và nằm trong danh sách các công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính cho các công ty niêm yết theo quy định của Bộ Tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Bạch Dương

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/TTTr-KTC-HĐQT

Kiên Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH

về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần
Thương mại Kiên Giang

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ sự thống nhất của Hội đồng quản trị Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang sửa đổi, bổ sung (đính kèm toàn văn dự thảo Điều lệ đã sửa đổi, bổ sung).

Trân trọng!



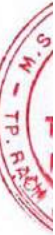
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Tung

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, loại hình doanh nghiệp, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	3
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động Công ty	5
Điều 6. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	5
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5
Điều 8. Chứng nhận cổ phần.....	6
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	7
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	7
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Thay đổi ủy quyền.....	14



Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 26. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	30
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	30
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 34. Người điều hành Công ty	31
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	32
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	33
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	33
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát.....	33
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	34
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	34
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	35
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên	35
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	36

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	36
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	37
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	37
XII. CÔNG ĐOÀN	38
Điều 45. Công đoàn	38
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	38
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	38
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	39
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	39
Điều 48. Năm tài chính	39
Điều 49. Chế độ kế toán.....	39
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	40
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	40
Điều 51. Báo cáo thường niên	40
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	40
Điều 52. Kiểm toán	40
XVII. ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÔNG TY CON	41
Điều 53. Đơn vị phụ thuộc và công ty con của Công ty	41
Điều 54. Mối quan hệ giữa Công ty với các đơn vị phụ thuộc.....	41
Điều 55. Mối quan hệ giữa Công ty với các Công ty con của Công ty	41
XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	42
Điều 56. Dấu của doanh nghiệp	42
XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY	42
Điều 57. Giải thể Công ty	42
Điều 58. Gia hạn hoạt động	42
Điều 59. Thanh lý.....	43
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	43
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	43
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	44

D. N.
C
C
H
KI
TIA

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Điều 61. Điều lệ Công ty	44
XXII. NGÀY HIỆU LỰC	44
Điều 62. Ngày hiệu lực	44

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số/NQ-KTC-ĐHĐCĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2022.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Việt Nam*” là Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. “*Công ty*” là Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;
3. “*Vốn điều lệ*” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
4. “*Vốn có quyền biểu quyết*” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
5. “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
6. “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
7. “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
8. “*Người điều hành doanh nghiệp*” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại quy chế nội bộ của Công ty;
9. “*Người quản lý doanh nghiệp*” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ, quy chế nội bộ của Công ty ;
10. “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
11. “*Cổ đông*” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

12. “*Cổ đông lớn*” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán (cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết);

13. “*Cổ tức*” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;

14. “*Địa chỉ thường trú*” là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc địa chỉ nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc;

15. “*Thời hạn hoạt động*” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 5 Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

16. “*Sổ giao dịch chứng khoán*” là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

17. Trong điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

18. Các tiêu đề (mục, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, loại hình doanh nghiệp, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

a) Tên tiếng việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG;**

b) Tên tiếng Anh: **KIEN GIANG TRADING JOINT STOCK COMPANY;**

c) Tên viết tắt: **KTC.**

d) Logo:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

a) Địa chỉ: Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

b) Điện thoại: 0297 3862113

c) Fax: 0297 3866080

d) Website: www.ktcvn.com.vn

4. Công ty có thể thành lập các chi nhánh, văn phòng đại diện, điểm kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 29, 35 của Điều lệ này, quy chế nội bộ và pháp luật hiện hành.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa hợp pháp; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc; tăng cổ tức và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông; làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty đăng ký

a) Kinh doanh các loại xăng dầu và sản phẩm hóa dầu gồm: xăng, diesel, mazut, nhiên liệu máy bay, dầu hỏa, dầu nhớt, mỡ máy, khí hóa lỏng LPG, nhựa đường, hóa chất và các sản phẩm hóa dầu khác (4661 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan). Dịch vụ tiếp nhận, bảo quản, giữ hộ các mặt hàng kinh doanh (8299 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu). Tổ chức sản xuất, gia công, pha chế, liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư về các mặt hàng trong phạm vi kinh doanh với các tổ chức kinh tế trong nước và các tổ chức kinh tế nước ngoài. Tái xuất các loại xăng dầu cho tàu biển nước ngoài, tàu biển chạy tuyến nước ngoài. Tái xuất sang Campuchia, tái xuất cho các doanh nghiệp chế xuất,... Kinh doanh khai thác cảng dầu để nhập, xuất xăng dầu. Vận tải xăng dầu bằng đường thủy, đường bộ. Kinh doanh các vật tư

thiết bị chuyên dùng xăng dầu. Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật ô tô (4520 - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác), xe máy (4542 - Bảo dưỡng, sửa chữa mô tô, xe máy), rửa xe, sửa chữa và thay thế phụ tùng ô tô (4530 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ và xe có động cơ khác), xe máy (4543 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy). Dịch vụ trông giữ xe. Sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế phụ tùng máy móc công nghệ trang thiết bị chuyên dùng trên tàu và xà lan chở dầu. Vệ sinh, súc rửa tàu, xà lan chở dầu và các loại bồn bể chứa xăng dầu các loại. Kinh doanh xây lắp, tu sửa, bảo quản các công trình xăng dầu, sản phẩm hóa dầu và công trình dân dụng. Dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu;

b) Xay xát, đánh bóng gạo. Xuất nhập khẩu, bán buôn các loại thực phẩm, đồ uống, gạo, thóc, ngô, các loại ngũ cốc khác (4632 - Bán buôn thực phẩm). Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống,... trong các cửa hàng chuyên doanh (4719 - Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp);

c) Khai thác (0311 - Khai thác thủy sản biển), (0312 - Khai thác thủy sản nội địa), nuôi trồng thủy sản nước biển (0321- Nuôi trồng thủy sản biển), nước lợ, nước ngọt (0322 - Nuôi trồng thủy sản nội địa). Chế biến, bảo quản thịt (1010 - Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt), thủy sản (1020 - Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản), rau quả và các sản phẩm làm từ thịt, thủy sản, rau quả (1030 - Chế biến và bảo quản rau quả). Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản (1080 - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản), nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, nước đá (1104 - Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng);

d) Xây dựng nhà các loại (4100 - Xây dựng nhà các loại), công trình đường bộ và công trình dân dụng khác (4290 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác). Lắp đặt và hoàn thiện các hệ thống điện (4321 - Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí, công trình xây dựng (4322 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí). Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (4530 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác). Đại lý, bán buôn, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác (4511 - Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác). Vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ, thủy nội địa (5021 - Vận tải hành khách đường thủy nội địa), (5022 - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa), ven biển và hải dương (5011 - Vận tải hành khách ven biển và viễn dương), (5012 - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương). Kinh doanh lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, đông lạnh (5210 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa). Kinh doanh khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ (5510 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày), nhà hàng, quán ăn (5610 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động). Điều hành tua du lịch (7912 - Điều hành tua du lịch);

đ) Kinh doanh bất động sản (6810 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê), đầu tư góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết,...;

e) Sản xuất, kinh doanh và thương mại dịch vụ khác pháp luật không cấm.

3. Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành, thông báo và được cơ quan đăng ký kinh doanh đồng ý bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 6. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, Pháp luật và điều lệ của tổ chức và phù hợp với quy định của Công ty.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty **364.738.330.000 đồng** (bằng chữ: Ba trăm sáu mươi bốn tỷ bảy trăm ba mươi tám triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **36.473.833 cổ phần** (bằng chữ: Ba mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm ba mươi ba cổ phần), với mệnh giá mỗi cổ phần là **10.000 đồng/cổ phần** (bằng chữ: Mười ngàn đồng một cổ phần).

Trong đó:

- Vốn góp Nhà nước: 178.865.780.000 đồng (17.886.578 cổ phần), chiếm 49,04% vốn điều lệ;

- Vốn góp nhà đầu tư chiến lược: 127.658.420.000 đồng (12.765.842 cổ phần), chiếm 35% vốn điều lệ;

- Vốn góp cổ đông người lao động Công ty: 5.555.000.000 đồng (555.500 cổ phần), chiếm 1,52% vốn điều lệ;

- Vốn góp tổ chức Công đoàn Công ty: 600.000.000 đồng (60.000 cổ phần), chiếm 0,17% vốn điều lệ;

- Vốn góp cổ đông khác mua theo đấu giá: 52.059.130.000 đồng (5.205.913 cổ phần), chiếm 14,27% vốn điều lệ.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty không có cổ đông sáng lập.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

8. Công ty kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang (1).

Điều 8. Chứng nhận cổ phần

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

¹ Khoản 4, Điều 202 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14: Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;



d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đông, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký

của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

5. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

a) Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập Đại hội theo hình thức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức Đại hội trực tiếp. Trường hợp tổ chức đại hội có hình thức trực tuyến, Ban Tổ chức Đại hội do Hội đồng quản trị thành lập có trách nhiệm triển khai các thủ tục, công việc để phục vụ cho việc tổ chức trực tuyến. Công ty áp dụng tối đa các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để tạo điều kiện cho cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến một cách thuận tiện nhất.

b) Hình thức cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có giá trị pháp lý như tham dự và biểu quyết tại Đại hội trực tiếp.

c) Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Hệ thống phải được duy trì hoạt động an toàn và ổn định, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu kết nối, tham dự của các cổ đông.

- Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.

- Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

- Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được ghi nhận, lưu giữ và sử dụng theo đúng quy định.

d. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể và hướng dẫn cần thiết cho các cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét và xử lý vi phạm của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi nhiệm kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi ủy quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi

cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

đ) Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc

một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên;

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc

tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 08 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị;
- k) Ban hành Nghị quyết để Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với các chức danh: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Chủ tịch, Giám đốc, Kiểm soát viên Công ty con được quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp;
- l) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- m) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- n) Quyết định quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
- o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- q) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- r) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- s) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

t) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc tham dự Đại hội đồng cổ đông ở công ty con được quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp, đồng thời quyết định mức thù lao và quyền lợi khác đối với những người được cử đại diện ủy quyền này;

u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc tham dự Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác trừ công ty con được quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp, đồng thời quyết định mức thù lao và quyền lợi khác đối với những người được cử đại diện ủy quyền này;

g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện đương nhiên thay Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch - khi Chủ tịch không thể ủy quyền) ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

6. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;



b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định khoản 3 điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư⁽²⁾ (3/4 - phải có từ 06 thành viên Hội đồng quản trị) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (phải có từ 05 người) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành⁽³⁾; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

⁽²⁾ Khoản 8 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

⁽³⁾ Khoản 12 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Thời gian, địa điểm họp; Mục đích, chương trình và nội dung họp; Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; Họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản;

b) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị;

c) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản này thì biên bản này có hiệu lực;

d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

đ) Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ

trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị

quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; trường hợp phân công, bổ nhiệm đối với người đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm chức vụ khác hoặc thôi phân công, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức vụ kiêm nhiệm khác của Phó Tổng Giám đốc thì Tổng Giám đốc phải báo cáo, xin chủ trương Hội đồng quản trị bằng văn bản;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- đ) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- e) Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 50% đến dưới 90% được đề cử tối đa 04 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng kiểm soát viên của Công ty là không quá 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp



Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm dương lịch.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÔNG TY CON

Điều 53. Đơn vị phụ thuộc và công ty con của Công ty

1. Công ty là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;

b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó;

c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

2. Công ty có các đơn vị phụ thuộc và các công ty con, công ty liên kết.

3. Công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị phụ thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết được Hội đồng quản trị thông qua và quy định của pháp luật.

Điều 54. Mối quan hệ giữa Công ty với các đơn vị phụ thuộc

Các đơn vị phụ thuộc sẽ được báo cáo trong sổ kế toán của Công ty, sẽ thực hiện công việc hoạt động, kinh doanh, duy trì sổ kế toán, tổ chức hoạt động của mình, quản lý nguồn nhân lực và tiến hành các hoạt động khác theo quy chế của Công ty và quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị. Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sẽ do Tổng Giám đốc điều hành xây dựng và trình Hội đồng quản trị ban hành. Công ty sẽ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh dưới tên của các đơn vị phụ thuộc đó.

Điều 55. Mối quan hệ giữa Công ty với các Công ty con của Công ty

1. Với công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ:

Công ty là chủ sở hữu của các công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con này.

Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ được quy định tại Điều lệ của công ty con.

2. Với công ty con khác:

Công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại công ty đó.

Công ty là chủ sở hữu phần vốn của Công ty tại các công ty này. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với vốn Công ty đầu tư vào các công ty con này.

3. Mối quan hệ giữa Công ty với các công ty con dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty và công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập.

4. Hội đồng quản trị chỉ định một hay nhiều người đại diện Công ty để thực hiện các quyền của Công ty với tư cách là chủ sở hữu đối với các công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn và quyền của chủ sở hữu phần vốn do Công ty đầu tư tại các công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phù hợp với Điều lệ này, Điều lệ các công ty con, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Việc chỉ định người đại diện phần vốn góp của Công ty phải được lập thành văn bản. Trình độ, quyền và nghĩa vụ của những người đại diện vốn góp của Công ty tại các công ty con do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp với Điều lệ này, Điều lệ các công ty con, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 56. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 57. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến mục (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong bản Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 22 Mục, 62 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang nhất trí thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại Hội trường Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Họ và tên	Chữ ký
1	NGUYỄN THANH TUNG	
2	VÕ VĂN TÂN	
3	PHẠM VĂN HOÀNG	
4	NGUYỄN DUY AN	
5	VÕ THỊ HƯƠNG GIANG	
6	TRỊNH QUỐC VIỆT	
7	VÕ THÁI SƠN	
8	PHÙNG PHƯƠNG QUANG	



ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: 24/TTr-KTC-HĐQT

Kiên Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH

về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ sự thống nhất của Hội đồng quản trị Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang sửa đổi, bổ sung (đính kèm toàn văn dự thảo Quy chế đã sửa đổi, bổ sung).

Trân trọng!



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Tung



MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	2
Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	4
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị..	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị...	7
Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức Hội đồng quản trị.....	8
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch.....	10
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	10
Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	13
Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	14
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm.....	14
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	15
Điều 20. Trách nhiệm của người quản lý Công ty.....	16
Điều 21. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc ..	17
Điều 22. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	17
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 24. Mối quan hệ với Ban điều hành và Tổng Giám đốc điều hành.....	19

Điều 25. Mỗi quan hệ với Ban kiểm soát	21
Điều 26. Mỗi quan hệ với cổ đông.....	22
Điều 27. Mỗi quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên	23
Chương VII. GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYẾT ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
Điều 28. Mục đích giám sát	24
Điều 29. Nguyên tắc giám sát	24
Điều 30. Phương thức giám sát.....	24
Chương VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	24
Điều 31. Hiệu lực thi hành.....	24

Kiên Giang, ngày 24 tháng 6 năm 2022

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-KTC-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang bao gồm các nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị; quy định phương thức thực hiện chức năng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang; quy định mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành, Ban kiểm soát, các phòng/ban chuyên môn, các đơn vị/chi nhánh trực thuộc, các cá nhân trong Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan bên ngoài Công ty nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc; các cá nhân, đơn vị, bộ phận liên quan trong Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Tùy từng lĩnh vực cụ thể, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc chỉ đạo các bộ phận chuyên môn có liên quan tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Mọi thành viên Hội đồng quản trị không được nhân danh Hội đồng quản trị để can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành hàng ngày của Tổng Giám đốc, trừ trường hợp quy định tại Điều 12 Quy chế này.

Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về ý kiến của mình và về việc thực hiện nhiệm vụ, công việc được phân công trực tiếp đảm nhận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (3) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật;

e) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch, mục tiêu hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ;

g) Thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên và chấp hành việc phân công, phân nhiệm của Hội đồng quản trị;

h) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị¹

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có tám (08) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

¹ Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

g) Đại diện Công ty và nhân danh Hội đồng quản trị hoặc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị trong quan hệ đối ngoại, đồng thời chịu trách nhiệm thiết lập, duy trì mối quan hệ với cổ đông và nhóm cổ đông lớn;

h) Sau khi có nghị quyết của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với các chức danh: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Chủ tịch, Giám đốc, Kiểm soát viên công ty con được quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp;

i) Quyết định về việc cử thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty đi công tác nước ngoài;

k) Xem xét, quyết định cử người đại diện phần vốn của Công ty, cử Kiểm soát viên tại công ty khác, trừ công ty con quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo phân công, ủy quyền của Hội đồng quản trị, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện đương nhiên thay Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch - khi Chủ tịch không thể ủy quyền) ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc được quy định tại Điều lệ Công ty. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về nội dung được ủy quyền. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị²

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường

² Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Cơ cấu tổ chức Hội đồng quản trị

Cơ cấu tổ chức Hội đồng quản trị bao gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị³

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

³ Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc tham dự Đại hội đồng cổ đông ở công ty con được quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Ban hành nghị quyết đề Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với các chức danh: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Chủ tịch, Giám đốc, Kiểm soát viên công ty con được quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp;

l) Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với các chức danh: Trưởng/Phó phòng/ban nghiệp vụ/văn phòng đại diện, Giám đốc/Phó Giám đốc các đơn vị/chi nhánh trực thuộc Công ty; Phó Giám đốc công ty con được quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các chức danh khác theo quy định tại quy chế nội bộ của Công ty. Trường hợp phân công, bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm nhiệm chức vụ khác hoặc thôi phân công, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức vụ kiêm nhiệm khác của Phó Tổng Giám đốc Công ty thì Tổng Giám đốc phải báo cáo, xin chủ trương Hội đồng quản trị bằng văn bản;

m) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

n) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

p) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

q) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

r) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

s) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, con dấu và các nguồn lực khác của Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ Công ty quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn ba (3) ngày làm

việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (3) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn

bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (1) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Hội đồng quản trị quy định mức thù lao cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị tại một văn bản cụ thể căn cứ trên tổng mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những nhiệm vụ khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

8. Tổng Giám đốc bảo đảm các điều kiện và phương tiện làm việc cần thiết cho hoạt động của Hội đồng quản trị và bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 20. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 21. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (6) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 20 Quy chế này;

b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

Điều 22. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 19 Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp các hợp đồng, giao dịch với các cổ đông là tổ chức, doanh nghiệp nhà nước như: Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH MTV, Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ - TNHH MTV và Quỹ Đầu tư Phát triển Kiên Giang thì Hội đồng quản trị sẽ chấp thuận và xác lập bằng hợp đồng nguyên tắc; trên cơ sở đó, Tổng Giám đốc sẽ ký kết thực hiện bằng các hợp đồng thương mại/tín dụng cụ thể.

4. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

5. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp

đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác.

6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

7. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- a) Luôn luôn trung thành vì lợi ích của Công ty;
- b) Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty;
- c) Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;
- d) Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 24. Mối quan hệ với Ban điều hành và Tổng Giám đốc điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.



2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và duy trì ổn định các thành viên Ban Tổng Giám đốc có trình độ, năng lực và đạo đức tốt cho Công ty; kịp thời bãi nhiệm các thành viên Ban Tổng Giám đốc không đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Hội đồng quản trị thực hiện việc khen thưởng và kỷ luật, xử lý sai phạm đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty một cách khách quan trên các căn cứ và cơ sở phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.

5. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc đề nghị với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

6. Trước các cuộc họp Hội đồng quản trị ba (3) ngày làm việc, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (quý, năm) và phương hướng hoạt động trong kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị (thông qua Thư ký Hội đồng quản trị).

7. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện Hội đồng quản trị dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

9. Định kỳ hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình phương án đề xuất với Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt quy hoạch lãnh đạo đối với các chức danh: Giám đốc/Phó Giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty; Trưởng phòng/Phó trưởng phòng/ban nghiệp vụ/văn phòng đại diện/chi nhánh trực thuộc Công ty; Phó Giám đốc công ty con được quy định tại khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các chức danh khác theo quy định tại quy chế nội bộ của Công ty.

10. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, học tập trong nước và ngoài nước, các cuộc đàm phán ký kết hợp đồng... của Công ty có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham gia.

11. Các cuộc họp do các cơ quan có liên quan mời Ban lãnh đạo Công ty tham dự (trừ những trường hợp mời đích danh), thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể. Những cuộc họp có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, kế hoạch hàng năm, kế hoạch 05 năm, chiến lược phát triển trung - dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc cùng dự, hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cho nhau.

12. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng Giám đốc hoặc Trưởng/Phó phòng/ban/đơn vị phụ trách mảng công việc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).

13. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban Tổng Giám đốc hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Ban Tổng Giám đốc chủ trì, trường hợp cần thiết người chủ trì mời Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc cử người đại diện Hội đồng quản trị cùng tham dự họp và chỉ đạo trực tiếp (nếu có).

14. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo chỉ đạo giải quyết có liên quan đến mảng công việc được phân công phụ trách, thực hiện.

15. Tổng Giám đốc phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng quý, năm kế hoạch của Công ty để báo cáo Hội đồng quản trị.

16. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố, các việc có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc kết quả, hiệu quả, an toàn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

17. Tất cả các văn bản, tờ trình báo cáo Hội đồng quản trị phải do Tổng Giám đốc ký. Trường hợp đặc biệt, Tổng Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Tổng Giám đốc thực hiện, trường hợp này Tổng Giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung ủy quyền.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tính độc lập, khách quan của Ban kiểm soát.

4. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên, Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát và có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Ban kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

6. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời tới Hội đồng quản trị những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, mọi biên bản họp Ban kiểm soát phải được gửi tới Hội đồng quản trị (thông qua Thư ký Hội đồng quản trị) chậm nhất sau năm (5) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp Ban kiểm soát.

7. Ban kiểm soát phải kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

8. Trên cơ sở các ý kiến của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo từng đơn vị/toàn hệ thống Công ty có giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế, sai phạm để tổ chức kinh doanh an toàn, hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

9. Thông qua Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị xem xét tính trung thực của các báo cáo tài chính, thông tin tài chính, tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ và quản lý thông tin được công bố.

10. Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

11. Ngoài các thông tin, báo cáo theo định kỳ, Kiểm soát viên, Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu cụ thể về công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

12. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các tài liệu, thông tin tài chính và thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát.

Điều 26. Mối quan hệ với cổ đông

1. Hội đồng quản trị đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối sự tham gia của các cổ đông trong Công ty. Hội đồng quản trị và các thành viên Hội

đồng quản trị phải luôn coi trọng lợi ích của cổ đông, phải có trách nhiệm cung cấp kịp thời và đầy đủ cho cổ đông những lượng thông tin cần thiết trong giới hạn được cung cấp, đồng thời phải giữ mối liên hệ chặt chẽ, mật thiết và thường xuyên, lâu dài với các cổ đông của Công ty.

2. Mối quan hệ với các cổ đông lớn phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định của Công ty.

Điều 27. Mối quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên

Hội đồng quản trị phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của các tổ chức này tại Công ty.

1. Đối với tổ chức Đảng

a) Hội đồng quản trị tạo mọi điều kiện hỗ trợ tổ chức Đảng về tài chính, thời gian, cơ sở vật chất phục vụ các cuộc họp, các đợt tổ chức cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, quần chúng, người lao động học tập nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

b) Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) hoặc khi có yêu cầu, Đảng ủy chủ động trao đổi với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về việc thực hiện chủ trương, nghị quyết của tổ chức Đảng;

c) Đảng ủy chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong xây dựng, lãnh đạo và thực hiện Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo chính trị của tổ chức Đảng, chức năng tập hợp, vận động, giáo dục quần chúng của các đoàn thể, chức năng quản lý của Hội đồng quản trị và chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc;

d) Đảng ủy chủ động tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về chủ trương sắp xếp, tổ chức bộ máy quản lý, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chế độ, chính sách cán bộ;

đ) Đảng ủy tôn trọng các nghị quyết của Hội đồng quản trị, khi thấy vấn đề nào chưa đúng thì cấp ủy trao đổi lại với Hội đồng quản trị để tạo sự đồng thuận.

2. Đối với tổ chức Công đoàn

a) Hội đồng quản trị tạo điều kiện về tài chính và quỹ thời gian để Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Công đoàn bộ phận, Tổ Công đoàn có điều kiện làm tốt chức năng giáo dục, tập hợp, lãnh đạo quần chúng Công đoàn viên;

b) Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc ký thỏa ước lao động với Ban Chấp hành. Đại diện Ban Chấp hành Công đoàn được tham gia Hội đồng Thi đua khen thưởng Công ty để giám sát việc sử dụng hợp lý Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty;

c) Hội đồng quản trị tạo điều kiện và cơ hội để lắng nghe tiếng nói của Ban Chấp hành Công đoàn đại diện cho ý chí và nguyện vọng chính đáng của đông đảo đoàn viên Công đoàn và nhân viên làm việc tại Công ty.

3. Đối với tổ chức Đoàn Thanh niên

Hội đồng quản trị tạo điều kiện về tài chính và quỹ thời gian để Đoàn Thanh niên cơ sở, các chi đoàn trực thuộc có điều kiện làm tốt chức năng giáo dục, tập hợp, thi đua, tổ chức các hoạt động, phong trào sôi nổi, thiết thực, gắn liền với đơn vị; đồng thời, thực hiện tốt chức năng lãnh đạo đoàn viên thanh niên, phát triển đoàn viên ưu tú, góp phần xây dựng lực lượng đoàn viên thanh niên Công ty vững mạnh, năng động, sáng tạo.

Chương VII. GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYẾT ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Mục đích giám sát

1. Theo dõi và giám sát các công việc mà Hội đồng quản trị đã phân công cho các đơn vị, cá nhân thực hiện, kịp thời phát hiện, xử lý các vấn đề vướng mắc phát sinh trong thực tế.

2. Đảm bảo cho công tác lãnh đạo, quản lý của Hội đồng quản trị được thông suốt, giữ nghiêm kỷ luật trong hệ thống Công ty, chống tham nhũng, lãng phí và mọi tiêu cực có thể phát sinh trong hoạt động của Công ty.

3. Đề cao ý thức trách nhiệm và kỷ luật của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân được Hội đồng quản trị phân công thực hiện nhiệm vụ.

Điều 29. Nguyên tắc giám sát

1. Công tác giám sát được tiến hành thường xuyên, có kế hoạch, có sự phối hợp để tránh chồng chéo, ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động của Công ty.

2. Công tác giám sát phải đảm bảo dân chủ, công khai, đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế của Công ty, không gây phiền hà và không cản trở hoạt động của đối tượng được giám sát.

3. Hội đồng quản trị phải có báo cáo giám sát theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 30. Phương thức giám sát

Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc thông qua các phòng/ban nghiệp vụ để thực hiện việc giám sát các nghị quyết của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

Chương VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang gồm 08 Chương, 31 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2022.

2. Những nội dung phát sinh mà Quy chế này chưa quy định:

a) Nếu thuộc phạm vi quản lý của Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định hoặc báo cáo nếu vượt thẩm quyền để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định;

b) Nếu thuộc phạm vi của Ban điều hành thì Tổng Giám đốc quyết định hoặc báo cáo nếu vượt thẩm quyền để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, người quản lý khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

4. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

5. Quy chế này thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 35/QĐ-HĐQT.KTC, ngày 01 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Tung



Số: 25 /TTr-KTC-BKS

Kiên Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH

về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang sửa đổi, bổ sung (đính kèm toàn văn dự thảo Quy chế đã sửa đổi, bổ sung).

Trân trọng!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Bạch Dương



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	2
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	2
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	3
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	7
CHƯƠNG IV: CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 13. Chế độ làm việc	7
Điều 14. Chế độ hội họp	8
CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	9
Điều 15. Trình báo cáo hàng năm	9
Điều 16. Tiền lương và quyền lợi khác	9
Điều 17. Công khai các lợi ích liên quan	10
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 18. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	10
Điều 19. Mối quan hệ với ban điều hành	11
Điều 20. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	11
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	11
Điều 21. Hiệu lực thi hành	11

Kiên Giang, ngày tháng năm 2022

QUY CHẾ

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Ban kiểm soát thống nhất ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại Kiên Giang nhiệm kỳ 2022 - 2027 bao gồm các nội dung sau:

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Công ty có năm (05) kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Điều lệ Công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

Chương IV: CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Chế độ làm việc

1. Được sử dụng các phương tiện làm việc, vật dụng cần thiết và phòng họp của Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại Công ty, các kiểm soát viên còn lại làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Tất cả các kiểm soát viên chịu trách nhiệm về phần việc của mình được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

3. Thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật Công ty, trừ trường hợp được yêu cầu bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 14. Chế độ hội họp

1. Họp Ban Kiểm soát thường kỳ: Trưởng Ban Kiểm soát có quyền triệu tập họp Ban Kiểm soát bất kỳ lúc nào nếu cần, và mỗi quý phải triệu tập họp ít nhất một (1) lần.

2. Họp Ban Kiểm soát bất thường: Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của ít nhất 2 thành viên Ban Kiểm soát.

3. Địa điểm họp: do Công ty bố trí.

4. Thông báo và chương trình họp Ban Kiểm soát: Các thành viên Ban Kiểm soát được thông báo họp và chương trình ít nhất trước ba (3) ngày làm việc trước cuộc họp.

5. Điều kiện cuộc họp Ban Kiểm soát: Số lượng thành viên dự họp phải có ít nhất 2/3 số kiểm soát viên (từ 3 kiểm soát viên trở lên).

6. Biểu quyết các quyết định của Ban Kiểm soát:

a) Mỗi kiểm soát viên có một phiếu biểu quyết, có quyền bảo lưu ý kiến của mình và có quyền báo cáo với Hội đồng quản trị về những ý kiến đó.

b) Vấn đề được thông qua bằng biểu quyết đa số.

c) Trường hợp số biểu quyết tán thành hoặc phản đối ngang nhau, thì vấn đề được thông qua theo quan điểm của Trưởng Ban Kiểm soát.

d) Hồ sơ cuộc họp Ban Kiểm soát: các cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi vào sổ biên bản của Ban Kiểm soát và lưu giữ tại văn phòng Công ty theo quy định của Công ty. Biên bản họp Ban Kiểm soát phải được lập bằng tiếng Việt, có đầy đủ chữ ký của các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp, đánh số trang và đóng dấu giáp lai.

Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 15. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên;
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành quản lý khác;
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Điều 16. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 17. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 19. Mọi quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 20. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại Kiên Giang gồm 7 Chương, 21 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2022

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các phòng ban, đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thực hiện quy chế này.

Trong trường hợp những quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty có những quy định mới liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát, thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban Kiểm soát kể từ ngày những quy định đó có hiệu lực./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Bạch Dương

Kiên Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2022

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
(Nhiệm kỳ 2022 - 2027)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang,
Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban kiểm soát.
- BTC : Ban tổ chức.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền.

II. Chủ tọa Đại hội

Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những công việc cụ thể như sau:

1. Giới thiệu danh sách ứng cử, đề cử vào HĐQT và BKS.
2. Giải quyết các khiếu nại về bầu cử (nếu có).

III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT: 08 người.
2. Nhiệm kỳ: 2022 - 2027.
3. Số lượng ứng viên HĐQT tối đa: Không hạn chế.
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia HĐQT (theo khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14):

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên HĐQT không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

IV. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên: 05 người.

2. Nhiệm kỳ: 2022 - 2027.

3. Số lượng ứng viên BKS tối đa: Không hạn chế.

4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia BKS (theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14):

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty;

V. Nguyên tắc bầu cử

1. Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và BKS.

VI. Quy định đề cử thành viên HĐQT và BKS (theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp)

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên HĐQT; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên HĐQT; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên HĐQT; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên HĐQT; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên HĐQT; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên HĐQT; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên HĐQT; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên HĐQT.

Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên BKS; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên BKS; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa 03 ứng viên BKS; từ 50% đến dưới 90% được đề cử tối đa 04 ứng viên BKS.

Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

VII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT, BKS

1. Hồ sơ đề cử vào HĐQT, BKS

(Mẫu biểu được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: www.ktcvn.com.vn)

- Giấy đề nghị ứng cử/đề cử thành viên HĐQT, BKS.
- Biên bản họp nhóm đề cử ứng viên tham gia HĐQT, BKS.
- Sơ yếu lý lịch ứng viên.
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú (nếu có).
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo quy định tại Quy chế này.
- Người đề cử/ứng cử vào HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực đối với nội dung trong hồ sơ của mình.

2. Địa điểm và thời gian nhận hồ sơ đề cử

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước 17h ngày 22/6/2022.

- Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang

- Địa chỉ: Số 190, đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Điện thoại: (0297) 3862113 Fax: (0297) 3866080.

Trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

VIII. Danh sách ứng cử viên

1. Dựa vào hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu làm thành viên HĐQT, BKS.

2. Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS được sắp xếp theo thứ tự và A, B, C theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

IX. Phương thức bầu cử

1. Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp).

2. Theo đó mỗi Đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS.

3. Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra Đại hội, Đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

X. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử là phiếu có ghi mã số Đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo của Công ty ở góc trên, bên trái.

- Mỗi Đại biểu được phát Phiếu bầu cử HĐQT, BKS. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên Phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

- Cách ghi Phiếu bầu cử được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử.

- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, Đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng.

- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, Đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trường hợp Đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử hợp lệ: là Phiếu bầu cử theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu treo của Công ty ở phía trên, bên trái; Phiếu không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho Phiếu bầu cử; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Đại biểu tham dự.

- Các Phiếu bầu cử sau đây được xem là phiếu không hợp lệ:

+ Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu bầu cử.

+ Ghi nội dung trên Phiếu bầu cử bằng viết chì.

+ Gạch tên các ứng cử viên.

+ Phiếu bầu cử không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, Phiếu bầu cử không có dấu treo của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu bầu cử.

+ Số ứng viên mà Đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử.

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu.

+ Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu.

+ Phiếu không có chữ ký của Đại biểu tham dự.

4. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự sai sót, Đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại Phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

- Đại biểu bỏ Phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát. Phiếu bầu cử phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu.

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản Kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của Đại biểu (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp).

- Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT, BKS thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

XI. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực ngay khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang kết thúc.

Trên đây là Quy chế ứng cử, đề cử để bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022 - 2027 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Tung

GIẤY ĐỀ NGHỊ
ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Tên tôi là:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:

Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần.

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng).

Đề nghị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang cho tôi được tự ứng cử làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm nay./.

....., ngày tháng năm 20...

Người ứng cử
(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Họ tên cổ đông:
CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....
Hiện đang sở hữu:.....cổ phần.....
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng).
Đề nghị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang cho tôi/Công ty tôi đề cử:
Ông/Bà:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: ...
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....
Hiện đang sở hữu:(cổ phần).
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng).
Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thương mại
Kiên Giang.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm nay./.

....., ngày tháng năm 20...

Người đề nghị đề cử
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**BIÊN BẢN HỌP NHÓM
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;
- Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Hôm nay, ngày..... tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang, cùng nhau nắm giữ.....cổ phần (bằng chữ: cổ phần), chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu /đại diện SH	Ký và ghi rõ họ tên
	Tổng cộng				

Cùng nhất trí đề cử ứng cử viên sau đây tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 như sau:

▪ Thành viên HĐQT

1. Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú.....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày /.../..... tại

.....

....., ngày tháng năm 20...

CỔ ĐÔNG

(người được đề cử đại diện nhóm)

(Ký và ghi rõ họ tên)¹

¹Đối với cổ đông pháp nhân:

- Người đại diện theo Pháp luật ký tên và đóng dấu, hoặc
- Trường hợp pháp nhân cử đại diện góp vốn (đại diện theo ủy quyền) thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện theo quy định.

GIẤY ĐỀ NGHỊ
ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Tên tôi là:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:

Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần.

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng).

Đề nghị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang cho tôi được tự ứng cử làm ứng cử viên tham gia vào Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu;

- Bản sao các bằng cấp;

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.

- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm nay./.

....., ngày tháng năm 20...

Người ứng cử
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Họ tên cổ đông:
CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....
Hiện đang sở hữu:.....cổ phần.....
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng).
Đề nghị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang cho tôi/Công ty tôi đề cử:
Ông/Bà:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: ...
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: (cổ phần).
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng).
Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Xin trân trọng cảm ơn !

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm nay./.

....., ngày tháng năm 20...

Người đề nghị đề cử
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**BIÊN BẢN HỌP NHÓM
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BKS
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;
- Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Hôm nay, ngày..... tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang, cùng nhau nắm giữ..... cổ phần (bằng chữ: cổ phần), chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu /đại diện SH	Ký và ghi rõ họ tên
	Tổng cộng				

Cùng nhất trí đề cử ứng cử viên sau đây tham gia vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 như sau:

1. Ông (Bà):
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú.....
Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:

Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy định về việc tham gia đề cử vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày .../.../..... tại

.....

....., ngày tháng năm 20...

CỔ ĐÔNG

(người được đề cử đại diện nhóm)

(Ký và ghi rõ họ tên)²

²Đối với cổ đông pháp nhân:

- Người đại diện theo Pháp luật ký tên và đóng dấu, hoặc
- Trường hợp pháp nhân cử đại diện góp vốn (đại diện theo ủy quyền) thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện theo quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Cổ đông:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật:

Hiện đang sở hữu:

Mã chứng khoán: KTC

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:

Từ ngày:/...../..... đến ngày/...../.....

Đề nghị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang xác nhận giúp chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 20.....

Cổ đông

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Về việc xác nhận sở hữu cổ phần

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chứng khoán

Họ tên chủ tài khoản:

CMND/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....

Tài khoản số:.....

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần.

Mã chứng khoán:.....

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng).

Từ ngày:/...../..... đến ngày:/...../.....

Đề nghị Công ty Cổ phần xác nhận giúp tôi/chúng
tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 20...

Chủ tài khoản

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)